

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT



Ngày phát hành/Ngày hiệu
chính

25 Tháng Sáu 2025

Phiên 3.02
bản

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Mã sản phẩm : 00429451
Tên sản phẩm : SIGMATHERM 230 HARDENER
Số CAS : Không áp dụng.
Số đăng ký EC : Hỗn hợp.
Loại sản phẩm : Chất lỏng.

Hoạt động sử dụng đã được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và hoạt động sử dụng được khuyến
nên tránh

Ứng dụng sản phẩm : Phủ.
Các ứng dụng chuyên nghiệp, Dùng bằng cách phun.
Các mục đích sử dụng không được khuyến cáo : Sản phẩm không có ý định, dán nhãn hoặc đóng gói để sử dụng cho người tiêu dùng.
Thông tin chi tiết về nhà cung cấp : PPG Yung Chi Coatings Co. Ltd
Lô 219, đường Amata,
KCN Long Bình Hiện Đại,
TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
+84 61 3936121/22

Số điện thoại khẩn cấp (với giờ hoạt động) : CHEMTREC +(84)-444581938 (CCN 17704)

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Mức xếp loại nguy hiểm : CHẤT LỎNG DỄ CHÁY - Loại 3
ĐỘC TÍNH CẤP (đường miệng) - Loại 4
ĐỘC TÍNH CẤP (ngoài da) - Loại 5
ĐỘC TÍNH CẤP (hít phải) - Loại 4
ĂN MÒN DA - Loại 1B
TÔN THƯƠNG MẮT NGHIỆM TRỌNG - Loại 1
NHẠY DA - Loại 1
ĐỘC TÍNH SINH SẢN - Loại 1
ĐỘC TÍNH HỆ THỐNG/CƠ QUAN MỤC TIÊU CỤ THỂ - TIẾP XÚC 1 LẦN (Kích ứng đường hô hấp) - Loại 3
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (CẤP) - Loại 2
ĐỘC TÍNH VỚI MÔI TRƯỜNG NƯỚC (LÂU DÀI) - Loại 2
Tỷ lệ phần trăm hỗn hợp chứa (các) thành phần độc tố cấp tính không xác định qua đường miệng: 1.1%
Tỷ lệ phần trăm hỗn hợp chứa (các) thành phần độc tố cấp tính không xác định qua da: 25.9%
Tỷ lệ phần trăm hỗn hợp chứa (các) thành phần độc tố cấp tính không xác định qua đường hô hấp: 38.3%
Tỷ lệ phần trăm (các) hợp phần các chất nguy hại cho môi trường nước trong hỗn hợp: 23.3%

II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhãn Hóa Chất)	
Hình đồ cảnh báo	: 
Từ cảnh báo	: Nguy hiểm
Cảnh báo nguy cơ	: Hơi và chất lỏng dễ cháy. Nguy hại nếu nuốt phải hoặc hít phải. Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Gây bỏng da nghiêm trọng và hồng mắt. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da. Có thể gây kích ứng hô hấp. Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc đến trẻ chưa sinh. Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
Các công bố về phòng ngừa	
Ngăn chặn	: Cần được hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không sử dụng cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu. Đeo găng tay, quần áo bảo hộ và đồ bảo vệ mắt hoặc mặt nạ. Tránh xa nguồn nhiệt, bề mặt nóng, tia lửa, ngọn lửa trần và các nguồn gây cháy khác. Cấm hút thuốc. Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thoáng khí. Tránh thải ra môi trường. Tránh hít thở hơi. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Rửa sạch sau khi sử dụng. Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.
Phản ứng	: Thu dọn chất thải tràn đổ. Nếu tiếp xúc hoặc quan ngại: Hỏi ý kiến tư vấn y tế. NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí trong lành và giữ nạn nhân ở tư thế dễ hô hấp. Ngay lập tức gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ. NẾU NUỐT PHẢI: Ngay lập tức gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ. Súc miệng. Không gây nôn. NẾU TIẾP XÚC VỚI DA (hoặc tóc): Ngay lập tức cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước. Ngay lập tức gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ. Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Hỏi ý kiến tư vấn y tế. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. NẾU VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng bằng nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Ngay lập tức gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ.
Lưu trữ	: Lưu trữ có khóa chặt. Lưu trữ trong môi trường thoáng khí. Giữ bao bì kín.
Xử lý	: Xả bỏ chất thải và bao bì theo tất cả các quy định của địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.
Lộ trình vào	: Không có sẵn.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	: Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm khô da và gây kích ứng khó chịu. Có chứa chất có thể phát ra formaldehyde nếu được bảo quản quá thời hạn sử dụng và / hoặc trong quá trình bảo dưỡng ở nhiệt độ cao hơn 60C / 140F.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Chất/pha chế	: Hỗn hợp
Số đăng ký CAS (Dịch Vụ Thông Tin Cơ Bản Hóa Chất Của Hoa Kỳ)/ các mã số khác	
Số CAS	: Không áp dụng.
Số đăng ký EC	: Hỗn hợp.

III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	%
Benzyl alcohol	100-51-6	C7H8O	≥10 - ≤24
Xylene	1330-20-7	C8-H10	≥10 - ≤19
Formaldehyde, polymer with 2-(chloromethyl)oxirane and phenol	9003-36-5	(C6-H6-O. C3-H5-Cl-O.C-H2-O)x	≥10 - ≤25
m-Xylenediamine	1477-55-0	C8H12N2	≤12
Formaldehyde, polymer with N,N-dimethyl-1,3-propanediamine and phenol	445498-00-0	(C6H6O.C5H14N2. CH2O)x	≤8.8
isobutanol	78-83-1	C4H10O	≤7.3
Phenol, 2,4,6-tris[(dimethylamino)methyl]-	90-72-2	C15H27N3O	≤5
N1-[3-(Trimethoxysilyl)prop-1-yl]ethane-1,2-diamine	1760-24-3	C8-H22-N2-O3-Si	≤4.4
ethyl benzen	100-41-4	C8H10	≤5
Oxirane, mono-[(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs.	68609-97-2	C4-H10-O.x (C3-H6-O. C2-H4-O)x.xl2	≤2.3
4,4'-Propane-2,2-diylldiphenol	80-05-7	C15-H16-O2	≤1.6
Salicylic acid	69-72-7	C7H6O3	<3
Bis[(dimethylamino)methyl]phenol	71074-89-0	C12H20N2O	≤3

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.
Mã SUB đại diện cho những chất mà không có số CAS được đăng ký.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

- Tiếp xúc mắt

: Kiểm tra và tháo bỏ kính sát trùng. Ngay lập tức rửa mắt bằng dòng nước trong ít nhất 15 phút, mở to mắt khi rửa. Tìm hỗ trợ y tế ngay.
- Hít phải

: Đưa ra ngoài chỗ thoáng khí. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. Nếu ngưng thở, thở không đều hay có hiện tượng bị suy giảm hô hấp, làm hô hấp nhân tạo hay cho thở oxy thực hiện bởi nhân viên có huấn luyện.
- Tiếp xúc ngoài da

: Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc dùng những chất rửa da đã được công nhận. Đừng sử dụng dung môi hay chất pha loãng.
- Nuốt phải

: Nếu nuốt phải, tìm tư vấn y tế ngay và đưa cho thấy bình đựng chất hay nhãn hiệu này. Giữ nạn nhân trong tình trạng ấm và thoải mái. KHÔNG cố tạo cho nôn mửa.

Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

- Tiếp xúc mắt

: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
- Hít phải

: Có hại nếu hít phải. Có thể gây kích ứng hô hấp.
- Tiếp xúc ngoài da

: Gây phỏng nghiêm trọng. Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Lấy mủ trong da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.
- Nuốt phải

: Có hại nếu nuốt phải.

Dấu hiệu/triệu chứng phơi nhiễm quá mức

- Tiếp xúc mắt

: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau
chảy nước mắt
bị đỏ

Mã sản phẩm	00429451	Ngày phát hành	25 Tháng Sáu 2025	Phiên bản	3.02
Tên sản phẩm	SIGMATHERM 230 HARDENER				

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Hít phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
dị ứng đường hô hấp
ho
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương
- Tiếp xúc ngoài da** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
bị đỏ
khô da
nứt da
có thể bị phỏng rộp da
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương
- Nuốt phải** : Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau dạ dày
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và được điều trị đặc biệt, nếu cần

- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : Nếu hít phải sản phẩm phân hủy trong đám cháy, triệu chứng có thể xuất hiện muộn. Người bị phơi nhiễm cần được theo dõi y tế trong 48 giờ.
- Điều trị cụ thể** : Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.
- Bảo vệ nhân viên sơ cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Nếu nghi ngờ khói vẫn còn, người cứu hộ phải mang mặt nạ thích hợp hay máy thở tự hành. Có thể nguy hiểm cho người đến cấp cứu nếu người này dùng cách thổi vô miệng để hồi sinh. Dùng nước giặt thật sạch quần áo dính chất độc trước khi cởi ra hoặc mang bao tay.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Phương tiện dập tắt

- Các chất chữa cháy phù hợp** : Dùng hóa chất khô, CO₂, bụi nước hay bọt.
- Các chất chữa cháy không phù hợp** : Dùng tia nước.

- Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất** : Hơi và chất lỏng dễ cháy. Để chảy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khi cháy hoặc khi quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Vật liệu này độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài. Nước chữa cháy bị ô nhiễm với chất này phải được khống chế và ngăn không cho đổ ra nguồn nước, cống rãnh.

- Sản phẩm phân rã do nhiệt nguy hiểm** : Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:
cacbon oxit
ôxít nitơ
hợp chất halogen hóa
ôxít kim loại
Formaldehyd.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy** : Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất các mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa phơi ra lửa.
- Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy** : Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập (SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

- Cho người không phải nhân viên cấp cứu** : Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Không hít thở hơi hoặc sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.
- Cho các nhân viên cấp cứu** : Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.
- Đề phòng cho môi trường** : Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí). Chất làm ô nhiễm nước. Có thể có hại cho môi trường nếu thải ra số lượng lớn. Thu gom chất tràn.

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

- Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Pha loãng bằng nước và dọn sạch nếu tan trong nước. Theo cách khác, nếu không tan trong nước, hãy thấm hút bằng một vật liệu khô trơ và đặt vào thùng chứa chất thải phù hợp. Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép.
- Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng** : Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Di chuyển các đồ đựng khỏi khu vực có chất đổ. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Tiếp cận phát thải từ hướng xuôi chiều gió. Ngăn không cho chảy vào đường cống, đường nước, khu hầm hoặc khu vực bị quây kín. Rửa chất đổ tràn vào nhà máy xử lý chất thải hay tiến hành như sau. Hốt và dọn chỗ đổ bằng chất không cháy nổ, thấm thấu, ví dụ, cát, đất, đất cát hay đất mùn rồi cho vào bình chứa để xử lý theo đúng qui định của địa phương (xem Phần 13). Xử lý thông qua nhà thầu xử lý chất thải có phép. Vật liệu bị nhiễm hút độc có thể gây nguy hại tương tự như sản phẩm đổ tràn. Ghi chú: xem Phần 1 về thông tin liên hệ khẩn cấp và Phần 13 về xử lý chất thải.

Mã sản phẩm	00429451	Ngày phát hành	25 Tháng Sáu 2025	Phiên bản	3.02
Tên sản phẩm	SIGMATHERM 230 HARDENER				

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ	: Trang bị các dụng cụ bảo hộ cá nhân thích hợp (xem phần 8). Trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này đều không được sử dụng các cá nhân đã có tiền sử bệnh da nhạy cảm. Tránh phơi nhiễm - lấy hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng. Tránh phơi nhiễm khi có thai. Không xử lý khi các lưu ý về an toàn chưa được đọc và hiểu. Đừng để vào mắt hay dính lên da hay quần áo. Không hít thở hơi hoặc sương. Đừng nuốt. Tránh thải ra môi trường. Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Đeo bình thở thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Đừng bước vào khu vực chứa hàng hay nơi đóng kín trừ phi có thông gió đầy đủ. Giữ trong đồ đựng ban đầu hoặc trong một đồ đựng khác được phê chuẩn, được chế tạo từ một vật liệu phù hợp, đóng chặt lại khi không sử dụng. Cất giữ và sử dụng xa chỗ nóng, tia lửa, ngọn lửa hoặc bất kỳ nguồn kích hỏa nào. Dùng thiết bị bằng điện (quạt, đèn, dụng cụ xử lý vật liệu) không gây nổ. Chỉ sử dụng dụng cụ không phát tia lửa. Tiến hành các biện pháp phòng ngừa tĩnh điện toát ra. Các đồ đựng đã đổ hết những món chứa bên trong vẫn giữ lại cận và có thể nguy hiểm. Đừng sử dụng lại bình chứa.
Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát	: Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Công nhân phải rửa tay và mặt trước khi ăn, uống và hút thuốc. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.
Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ	: Lưu trữ trong phạm vi nhiệt độ sau đây: 0 đến 35°C (32 đến 95°F). Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Lưu trữ trong khu vực cách biệt được phê chuẩn. Bảo quản trong thùng chứa ban đầu tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem Phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Cất giữ khóa kín. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa. Giữ tách xa các vật liệu ôxi hóa. Đậy thật chặt các đồ đựng và bao lại cho đến khi mang ra dùng. Các đồ đựng đã mở ra phải được đóng lại cẩn thận và để dựng đứng, cho khỏi rò rỉ. Đừng chứa đựng trong bình không dán nhãn hiệu. Dùng biện pháp ngăn cách thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường. Xem Mục 10 để biết các chất kỵ tiếp xúc trước khi xử lý hoặc sử dụng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	Giới hạn phơi nhiễm
Xylene	Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019) [xylene] TWA 8 giờ: 100 mg/m³. STEL 15 phút: 300 mg/m³.
m-Xylenediamine	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2024) Thấm qua da. C: 0.018 ppm.
isobutanol	Bộ Y tế (Việt Nam, 6/2019) [butanol] TWA 8 giờ: 150 mg/m³. STEL 15 phút: 250 mg/m³.
etyl benzen	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 1/2024) Ototoxicant. TWA 8 giờ: 20 ppm.

Quy trình theo dõi đề nghị	: Cần tham khảo các tiêu chuẩn theo dõi phù hợp. Cũng cần phải tham khảo các hướng dẫn của quốc gia về các phương pháp xác định những chất nguy hiểm.
----------------------------	---

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

- Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** : Chỉ sử dụng khi có thông gió đầy đủ. Dùng các phương tiện che chắn của quy trình, hệ thống thông gió tại chỗ hay các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức phơi nhiễm của công nhân đối với khí độc hại thấp hơn bất kỳ giới hạn nào được khuyến cáo hoặc do luật định. Các phương tiện kiểm soát cũng cần giữ cho độ tập trung của khí, hơi hoặc bụi dưới bất kỳ giới hạn gây nổ nào. Sử dụng thiết bị thông hơi chống nổ.
- Kiểm soát phơi nhiễm môi trường** : Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Biện pháp vệ sinh** : Rửa bàn tay, cánh tay, và mặt cho thật sạch sau khi làm việc với hóa chất, trước khi ăn uống, hút thuốc và dùng nhà vệ sinh và vào lúc cuối giờ làm. Phải sử dụng kỹ thuật thích hợp để lột bỏ quần áo có thể đã bị nhiễm. Quần áo dùng trong việc có nhiễm bẩn không được phép ra ngoài nơi làm việc. Giặt sạch trang phục có dính chất độc trước khi dùng lại. Cần đặt những trạm rửa mắt và phòng tắm bảo an toàn ở gần địa điểm làm việc.
- Bảo vệ mắt** : Kính bảo hộ và kính che mặt chống văng bắn hóa chất.
- Bảo vệ da**
Bảo vệ tay : Phải luôn luôn mang bao tay kháng hóa chất, không thấm chất lỏng, phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận khi xử lý sản phẩm có hóa chất, nếu một cuộc đánh giá rủi ro xác định điều này cần thiết. Xem xét các thông số do nhà sản xuất cung cấp, kiểm tra trong khi sử dụng để biết rằng găng vẫn còn giữ được các tính chất bảo vệ của nó. Cần lưu ý rằng thời gian thấm qua của bất kỳ vật liệu găng tay nào của bất kỳ nhà sản xuất găng tay nào cũng khác nhau. Trong trường hợp hỗn hợp có chứa nhiều chất, thì thời gian bảo vệ của găng tay không thể tính chính xác được.
- Găng tay** : nitril cao su tổng hợp
- Bảo vệ thân thể** : Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.
- Biện pháp bảo vệ da khác** : Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.
- Bảo vệ hô hấp** : Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn. Nếu người lao động bị phơi nhiễm vượt quá giới hạn phơi nhiễm, họ phải sử dụng dụng cụ thở thích hợp đã được kiểm nghiệm. Hãy dùng khẩu trang vừa vặn, lọc không khí hoặc tiếp không khí, đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Bề ngoài

Trạng thái vật lý

Màu sắc

Mùi

Ngưỡng về mùi

pH

Điểm nóng chảy

Điểm sôi

Điểm bùng cháy

Tỷ lệ hóa hơi

Khả năng cháy (chất rắn, khí)

Giới hạn nổ (bốc cháy) dưới và trên

Áp suất hóa hơi

Tỷ trọng hơi

Mật độ tương đối

(Các) độ tan

Hệ số phân chia nước/Octanol

Nhiệt độ tự cháy

Nhiệt độ phân hủy

Tính dẻo

: Chất lỏng.

: Không có sẵn.

: Đặc tính.

: Không có sẵn.

: Không áp dụng.

: Không có sẵn.

: >37.78°C (>100°F)

: Cốc đậy kín: 37°C (98.6°F)

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

: Không có sẵn.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không có dữ liệu thử nghiệm riêng liên quan đến khả năng phản ứng của sản phẩm này hoặc các thành phần của nó.
Tính ổn định	: Sản phẩm ổn định.
Khả năng gây các phản ứng nguy hại	: Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.
Tình trạng cần tránh	: Khi bị phơi nhiễm ở các mức nhiệt độ cao có thể sản sinh ra các sản phẩm phân hủy độc hại.
Các vật liệu không tương thích	: Tránh xa ra các chất sau đây để phòng ngừa phản ứng tỏa nhiệt mạnh: chất oxy hóa, kiềm mạnh, axit mạnh.
Sản phẩm phân rã có mối nguy	: Tùy thuộc vào điều kiện, các sản phẩm phân hủy có thể bao gồm các tài liệu sau đây: cacbon oxit, ôxit nitơ, hợp chất halogen hóa, Formaldehyd, ôxit kim loại

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về các tác dụng độc

Độc tính cấp tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Liều lượng	Sự phơi nhiễm
Benzyl alcohol	LC50 Hít phải Bụi và sương	Chuột	>5 mg/l	4 giờ
	LD50 Ngoài da	Thỏ	>2000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	1200 mg/kg	-
Xylene	LD50 Ngoài da	Thỏ	1.7 g/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	4.3 g/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	>10000 mg/kg	-
Formaldehyde, polymer with 2-(chloromethyl)oxirane and phenol				
m-Xylenediamine	LC50 Hít phải Khí.	Chuột	700 ppm	1 giờ
	LD50 Ngoài da	Chuột - Nam, Nữ	>3100 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	930 mg/kg	-
isobutanol	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	24.6 mg/l	4 giờ
	LD50 Ngoài da	Thỏ	2460 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	2830 mg/kg	-
	LD50 Ngoài da	Chuột	1280 mg/kg	-
Phenol, 2,4,6-tris[(dimethylamino)methyl]-				
	LD50 Đường miệng	Chuột	1200 mg/kg	-
N1-[3-(Trimethoxysilyl)prop-1-yl]ethane-1,2-diamine	LD50 Ngoài da	Thỏ	>2000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	2413 mg/kg	-
ethyl benzen	LC50 Hít phải Hơi	Chuột	17.8 mg/l	4 giờ
	LD50 Ngoài da	Thỏ	17.8 g/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	3.5 g/kg	-
Oxirane, mono-[(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs.	LD50 Ngoài da	Thỏ	>4000 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	17100 mg/kg	-
4,4'-Propane-2,2-diylldiphenol	LD50 Ngoài da	Thỏ	3600 mg/kg	-
	LD50 Đường miệng	Chuột	3.25 g/kg	-
Salicylic acid	LD50 Đường miệng	Chuột	0.891 g/kg	-

Kết luận/Tóm tắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Kích ứng/Ăn mòn

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Điểm	Sự phơi nhiễm	Theo dõi tác dụng kích ứng
Xylene	Da - Chất gây khó chịu vừa phải	Thỏ	-	24 giờ 500 mg	-
m-Xylenediamine	Da - Chất gây khó chịu nghiêm trọng	Chuột	-	4 giờ	4 giờ

Kết luận/Tóm tắt

Da : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Mắt : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Hô hấp : Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Nhạy cảm

Mã sản phẩm	00429451	Ngày phát hành	25 Tháng Sáu 2025	Phiên bản	3.02
Tên sản phẩm SIGMATHERM 230 HARDENER					
XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH					
Tên sản phẩm/thành phần		Cách phơi nhiễm	Loài	Kết quả	
m-Xylenediamine		da	Chuột	Nhạy cảm	
Da		: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.			
Hô hấp		: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.			
Tính đột biến					
Kết luận/Tóm tắt		: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.			
Tính gây ung thư					
Kết luận/Tóm tắt		: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.			
Độc tính sinh sản					
Kết luận/Tóm tắt		: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.			
Độc tính gây quái thai					
Kết luận/Tóm tắt		: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.			
Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm một lần)					
Tên		Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới	
Xylene		Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp	
isobutanol		Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp	
-		Loại 3	-	Các tác dụng gây mê	
N1-[3-(Trimethoxysilyl)prop-1-yl]ethane-1,2-diamine		Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp	
4,4'-Propane-2,2-diyl-diphenol		Loại 3	-	Kích ứng đường hô hấp	
Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác động (phơi nhiễm lặp lại nhiều lần)					
Tên		Loại	Cách phơi nhiễm	Cơ quan có nhắm tới	
ethyl benzen		Loại 2	-	cơ quan thính giác	
Nguy hiểm bị ngạt từ nồm mưa					
Tên			Kết quả		
Benzyl alcohol			HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 2		
Xylene			HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1		
isobutanol			HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 2		
ethyl benzen			HIỂM HỌA HÍT PHẢI - Loại 1		
Thông tin về các đường tiếp xúc : Không có sẵn. xúc có khả năng xảy ra					
Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn					
Tiếp xúc mắt		: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.			
Hít phải		: Có hại nếu hít phải. Có thể gây kích ứng hô hấp.			
Tiếp xúc ngoài da		: Gây phỏng nghiêm trọng. Có thể có hại khi tiếp xúc với da. Lầy mở trong da. Có thể gây ra một phản ứng dị ứng da.			
Nuốt phải		: Có hại nếu nuốt phải.			
			Việt Nam Trang: 10/16		

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

- Tiếp xúc mắt

: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau
chảy nước mắt
bị đỏ
- Hít phải

: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
dị ứng đường hô hấp
ho
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương
- Tiếp xúc ngoài da

: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau nhức hoặc kích ứng khó chịu
bị đỏ
khô da
nứt da
có thể bị phỏng rộp da
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương
- Nuốt phải

: Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây:
đau dạ dày
trọng lượng bào thai bị giảm
tăng tỷ lệ chết của bào thai
các dị tật xương

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

- Các tác dụng tức thời có thể gặp

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
- Các tác dụng chậm có thể gặp

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Phơi nhiễm lâu dài

- Các tác dụng tức thời có thể gặp

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.
- Các tác dụng chậm có thể gặp

: Không có dữ liệu nào về bản thân hỗn hợp.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

- Tổng quát

: Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm mất mỡ ở da và dẫn đến ngứa ngáy, nứt da và/hoặc bị viêm biểu bì. Nếu đã bị nhạy cảm, một phản ứng dị ứng nghiêm trọng có thể xảy ra về sau này khi có tiếp xúc ở mức độ thấp.
- Tính gây ung thư

: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Tính đột biến

: Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.
- Độc tính sinh sản

: Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc đến trẻ chưa sinh.

Các số liệu đo lường độ độc

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Lộ trình	Giá trị ATE (ước tính độ độc cấp tính)
Đường miệng	1607.83 mg/kg
Ngoài da	2235.37 mg/kg
Hít vào (các chất khí)	15946.93 ppm
Hít vào (các chất hơi)	34.82 mg/l
Hít vào (bụi và các thể sương)	4.47 mg/l

Thông tin cần thiết khác :

Việc tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại có thể làm khô da và gây kích ứng khó chịu. Phơi nhiễm lặp đi lặp lại với nồng độ hóa hơi cao có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp, tổn thương não và hệ thần kinh vĩnh viễn. Hít phải hơi/hơi phun tập trung quá giới hạn phơi nhiễm đề nghị gây ra nhức đầu, chóng mặt và buồn nôn và có thể dẫn đến bất tỉnh hay tử vong. Trimethoxysilane có khả năng hình thành methanol nếu được thủy phân hoặc nuốt phải. Khi nuốt vào, methanol có thể gây tổn thương, tử vong hoặc mù lòa. Có chứa chất có thể phát ra formaldehyde nếu được bảo quản quá thời hạn sử dụng và / hoặc trong quá trình bảo dưỡng ở nhiệt độ cao hơn 60C / 140F. Tránh tiếp xúc với da và quần áo. Tiếp xúc với hơi amin đã được báo cáo là sẽ gây phù giác mạc thoáng qua với các triệu chứng được mô tả như có màn sương mờ xanh trước mắt, thấy quầng sáng, thấy mờ hoặc bị mờ mắt trong vài giờ. Tình trạng này thường là tạm thời và không gây ra các ảnh hưởng vĩnh viễn về thị giác. Khi đeo kính bảo vệ mắt thích hợp quy định trong Phần 8, khả năng tiếp xúc hơi được giảm đáng kể và không quan sát thấy các triệu chứng trên.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc Tính

Tên sản phẩm/thành phần	Kết quả	Loài	Sự phơi nhiễm
Formaldehyde, polymer with 2-(chloromethyl)oxirane and phenol	Cấp tính LC50 2.54 mg/l	Cá	96 giờ
	Cấp tính EC50 1100 mg/l	Daphnia	48 giờ
	Cấp tính LC50 >100 mg/l	Daphnia	48 giờ
isobutanol	Cấp tính LC50 >100 mg/l	Cá	96 giờ
Phenol, 2,4,6-tris[(dimethylamino)methyl]-	EC50 597 mg/l	Cá	96 giờ
N1-[3-(Trimethoxysilyl)prop-1-yl]ethane-1,2-diamine	Cấp tính EC50 1.8 mg/l Nước ngọt	Daphnia	48 giờ
ethyl benzen	mãn tính NOEC 1 mg/l Nước ngọt	Daphnia - Ceriodaphnia dubia	-
Oxirane, mono-[(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs.	EC50 844 mg/l	Tảo	72 giờ
4,4'-Propane-2,2-diylidiphenol	EC50 7.2 mg/l	Daphnia	48 giờ
	LC50 >1.8 mg/l	Cá	96 giờ
	Cấp tính EC50 1.32 mg/l	Tảo - Raphidocelis subcapitata	72 giờ
	Cấp tính LC50 0.885 mg/l Nước ngọt	Loài tôm cua	48 giờ
	Cấp tính LC50 8.11 mg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna - Sơ sinh	48 giờ
Salicylic acid	Cấp tính LC50 4.6 mg/l Nước ngọt	Cá	96 giờ
	mãn tính EC10 1189 µg/l	Tảo - Raphidocelis subcapitata	72 giờ
	mãn tính NOEC 0.000174 mg/l Nước ngọt	Cá	5 tháng
	Cấp tính EC50 1147.57 mg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia longispina - Sơ sinh	48 giờ
	mãn tính NOEC 5.6 mg/l Nước ngọt	Daphnia - Daphnia magna - Sơ sinh	21 ngày

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc bền và khả năng phân hủy

Tên sản phẩm/thành phần	Thử nghiệm	Kết quả	Liều lượng	Chất tiềm chủng
Phenol, 2,4,6-tris[(dimethylamino)methyl]-ethyl benzen Oxirane, mono-(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs.	OECD Sẵn sàng Phân hủy bởi vi khuẩn 301D - Thí nghiệm trong Bình Kín - OECD Khả năng phân hủy sinh học sẵn sàng - Kiểm tra hô hấp đo áp suất	4 % - Không dễ - 28 ngày 79 % - Dễ dàng - 10 ngày 87 % - Dễ dàng - 28 ngày	- - -	- - -
Tên sản phẩm/thành phần	Chu kỳ bán phân rã dưới nước	Quang phân	Tính bị vi khuẩn làm thối rữa	
Benzyl alcohol	-	-	Dễ dàng	
Xylene	-	-	Dễ dàng	
Phenol, 2,4,6-tris[(dimethylamino)methyl]-ethyl benzen	-	-	Không dễ	
Oxirane, mono-(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs.	-	-	Dễ dàng	
4,4'-Propane-2,2-diyl	-	-	Dễ dàng	
diphenol	-	-	Dễ dàng	

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần	LogP _{ow}	BCF	Tiềm năng
Benzyl alcohol	0.87	-	Thấp
Xylene	3.12	7.4 để 18.5	Thấp
Formaldehyde, polymer with 2-(chloromethyl)oxirane and phenol	2.7	-	Thấp
m-Xylenediamine	0.18	2.69	Thấp
isobutanol	1	-	Thấp
Phenol, 2,4,6-tris[(dimethylamino)methyl]-ethyl benzen	0.219	-	Thấp
Oxirane, mono-(C12-14-alkyloxy)methyl] derivs.	3.6	79.43	Thấp
4,4'-Propane-2,2-diyl	3.77	160 để 263	Thấp
diphenol	3.4	43.65	Thấp
Salicylic acid	2.21 để 2.26	-	Thấp

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước : Không có sẵn.

Hậu quả xấu khác : Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Mã sản phẩm	00429451	Ngày phát hành	25 Tháng Sáu 2025	Phiên bản	3.02
Tên sản phẩm	SIGMATHERM 230 HARDENER				

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các phương pháp thải bỏ : Cần tránh hoặc giảm thiểu tối đa việc tạo ra rác, chất thải. Việc hủy bỏ sản phẩm này, các dung dịch hoặc các bán sản phẩm phải luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và luật về hủy chất thải, cũng như bất kỳ các quy định nào khác của nhà chức trách địa phương. Xử lý các sản phẩm thừa hay không tái chế được bởi nhà thầu xử lý có phép. Chất thải khi chưa xử lý không được vứt bỏ vào hệ thống thoát nước trừ khi hoàn toàn tuân thủ các yêu cầu của tất cả các nhà chức trách có thẩm quyền. Bao bì đựng chất thải phải được thu hồi tái chế. Chỉ nên xem xét thực hiện việc đốt cháy hoặc chôn lấp khi việc thu hồi tái chế là không thể thực hiện được. Chất này và bình chứa cần phải được xử lý theo cách an toàn. Cần phải cẩn thận khi làm việc với các dụng cụ đựng rỗng chưa được làm sạch hoặc rửa sạch. Bình rỗng hay tàu thủy có thể giữ lại cặn sản phẩm. Hơi của cặn sản phẩm có thể tạo ra một bầu khí quyển rất dễ cháy hoặc nổ trong dụng cụ đựng. Không cắt, hàn hoặc mài các dụng cụ đựng đã qua sử dụng trừ khi chúng đã được làm sạch cẩn thận phần bên trong. Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh.

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

	UN	IMDG	IATA
Số UN	UN3470	UN3470	UN3470
Tên riêng theo Liên Hợp Quốc (UN) để dùng trong vận chuyển (Tên phương tiện vận chuyển đường biển)	PAINT, CORROSIVE, FLAMMABLE	PAINT, CORROSIVE, FLAMMABLE	PAINT, CORROSIVE, FLAMMABLE
(các) nhóm nguy hại vận chuyển	8 (3)	8 (3)	8 (3)
Quy cách đóng gói	II	II	II
Mối nguy cho môi trường	Vâng. Không cần dán nhãn chất độc hại với môi trường.	Yes.	Yes. The environmentally hazardous substance mark is not required.
Chất gây ô nhiễm biển	Không áp dụng.	(Epoxy Resin)	Not applicable.

Thông tin bổ sung

UN : Không nhận dạng được cái nào.

IMDG : The marine pollutant mark is not required when transported in sizes of ≤5 L or ≤5 kg.

IATA : Cần đóng dấu chất nguy hiểm cho môi trường nếu được quy định trong các quy định vận chuyển khác.

Các biện pháp đề phòng đặc biệt cho người dùng : **Chuyên chở trong nhà xưởng của người sử dụng:** luôn luôn chuyên chở trong những thùng đựng được đậy kín và những thùng này phải được dựng đứng và giữ chặt. Nên đảm bảo là những người chuyên chở sản phẩm biết phải làm gì trong trường hợp bị tai nạn hoặc bị đổ.

Vận chuyển số lượng lớn theo các công cụ IMO : Không áp dụng.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định riêng về an toàn, y tế và môi trường cho sản phẩm

- Luật Hoá chất - Luật số 06/2007/QH12

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất

- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất

- Nghị định 33/2024/NĐ-CP Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá huỷ vũ khí hoá học

- Nghị định 34/2024/NĐ-CP Quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và phương tiện nội thuỷ

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hoá

- Nghị định 111/2021/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/nĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017

- Thông tư 32/2017/TT-BCT Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất

- Thông tư 17/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hoá chất

Thông tư số 05/1999/TT-BYT

Tên thành phần nguy hiểm	Loại	Ghi chú
Xylene	Loại 2	-
toluen	Loại 2	-

Quy định quốc tế

Nghị định thư Montreal

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm hữu cơ bền

Không liệt kê.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Lịch sử

Ngày phát hành/Ngày hiệu chỉnh25 Tháng Sáu 2025

Ngày phát hành lần trước6/25/2025

Phiên bản3.02

Chuẩn bị bởiEHS

Bảng từ viết tắt

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính

BCF = Hệ số nồng độ sinh học

GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu

IATA = Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế

IBC = Côngtenơ khổ trung

IMDG = Hàng hóa nguy hiểm hàng hải quốc tế

LogPow = Lôgarit của hệ số phân chia octanol/nước

MARPOL = Công ước quốc tế về việc ngăn chặn ô nhiễm từ tàu thuyền, 1973, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 1978. ("Marpol" = Marine Pollution (Ô nhiễm hàng hải))
UN = Liên hợp quốc

Tham khảo : Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên bản phát hành trước đó.

Người đọc lưu ý

Thông tin trong bảng chỉ dẫn an toàn này dựa trên kiến thức khoa học kỹ thuật hiện tại. Mục đích của thông tin là tạo sự chú ý về khía cạnh sức khỏe và an toàn liên quan đến sản phẩm do PPG cung cấp, và đề xuất các biện pháp phòng ngừa khi lưu trữ cũng như xử lý sản phẩm. Các thuộc tính của sản phẩm không được chứng nhận hay đảm bảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp không tuân thủ các biện pháp phòng ngừa được quy định trong bảng chỉ dẫn an toàn này hay sử dụng sản phẩm không đúng cách.